TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 48/2018/HNGĐ-PT Ngày 22 – 10 - 2018 V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa P1 tòa: Ông Phạm Kim Của

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Bùi Thế Xương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 37/2018/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 86/2018/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 242/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Cẩm P1, sinh năm: 1988

Địa chỉ: ấp T, xã TT, huyện TB, tỉnh Đ.

Tạm trú: XYZ Khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Anh Cao Tấn P2, sinh năm: 1985

Địa chỉ: ấp X, xã TĐ, huyện G, tỉnh B.

- *Người làm chứng (do phía nguyên đơn triệu tập):*

1. Bà Mai Thanh T1, sinh năm: 1962

Địa chỉ: ấp X, xã PN, thành phố B, tỉnh B.

2. Ông Trần Phước T2, sinh năm: 1967

Địa chỉ: ấp T, xã TT, huyện TB, tỉnh Đ.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm P1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được thể hiện như sau:

Nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm P1 trình bày:

Vào năm 2008, qua thời gian tìm hiểu và được sự cho phép của hai bên gia đình, chị và anh P2 tự nguyện đi đến hôn nhân, cả hai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện G ngày 26/02/2008.

Thời gian đầu sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc. Đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân cả hai thường hay bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện tại, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cả hai ly thân đến nay khoảng 05 tháng, chị P1 ra ngoài thuê nhà ở ấp X, xã LQ, huyện G sinh sống và đi làm.

Chị P1 có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm giải quyết cho ly hôn với anh Cao Tấn P2.

Về con chung: Có 02 con chung tên Cao Chí T3, sinh ngày 10/9/2008 và Cao Thị Thảo N, sinh ngày 26/01/2015, hiện đang sống chung với anh P2, sau khi ly hôn chị P1 yêu cầu được nuôi cháu Cao Thị Thảo N và không yêu cầu anh P2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Cao Tấn P2 trình bày: Anh thống nhất với chị P1 về điều kiện kết hôn của cả hai, thống nhất về tình trạng hôn nhân hiện tại, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh đồng ý ly hôn với chị P1 vì hôn nhân không còn hạnh phúc.

Về con chung: Có 02 con chung tên Cao Chí T3, sinh ngày 10/9/2008 và Cao Thị Thảo N, sinh ngày 26/01/2015, hiện đang sống chung với anh sau khi chị P1 đi khỏi nhà, sau khi ly hôn anh P2 yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu chị P1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đưa vụ án ra xét xử, tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 86/2018/HNGĐ-ST ngày 30/7/2018 quyết định:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trần Thị Cẩm P1, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Cẩm P1 và anh Cao Tấn P2.

2. Về con chung: Anh Cao Tấn P2 được quyền tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Cao Chí T3, sinh ngày 10/9/2008 và Cao Thị Thảo N, sinh ngày 26/01/2015.

Ghi nhận anh Cao Tấn P2 không yêu cầu chị Trần Thị Cẩm P1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị Cẩm P1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị P1 thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06 tháng 8 năm 2018, nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm P1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị P1 giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị về việc mong muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Cao Thị Thảo N, sinh ngày 26/01/2015 và không yêu cầu anh P2 cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Cao Tấn P2 không đồng ý kháng cáo của chị Trần Thị Cẩm P1, yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Hiện nay, hai cháu Cao Chí T3 và Cao Thị Thảo N đang sống chung với anh P2, do anh P2 trực tiếp nuôi dưỡng và anh cũng có đủ điều kiện về nơi ở, về kinh tế để tiếp tục nuôi con. Vì vậy để tránh xáo trộn đến tâm lý của con chung. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Trần Thị Cẩm P1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại P1 tòa. Xét kháng cáo của nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm P1 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Thị Cẩm P1 và anh Cao Tấn P2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện G, tỉnh B nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, hai vợ

chồng thường hay bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Cả hai cùng trình bày đã ly thân, chị P1 ra ngoài thuê nhà ở sinh sống và đi làm đến nay khoảng 05 tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng tạo điều kiện để hai bên hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Như vậy, tình trạng hôn nhân của cả hai đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị P1 vẫn cương quyết ly hôn, anh P2 cũng đồng ý ly hôn vì cho rằng hôn nhân của anh chị không còn hạnh phúc. Xét thấy đây là sự tự nguyện của hai bên, vì vậy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Cẩm P1 và anh Cao Tấn P2 là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh Cao Tấn P2 và chị Trần Thị Cẩm P1 có 02 con chung là Cao Chí T3, sinh ngày 10/9/2008 và Cao Thị Thảo N, sinh ngày 26/01/2015. Anh P2 có nguyện vọng trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu chị P1 cấp dưỡng nuôi con, còn về phía chị P1 chỉ có nguyện vọng nuôi 01 con chung tên Cao Thị Thảo N, sinh ngày 26/01/2015 và không yêu cầu anh P2 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc giao con chung cho ai tiếp tục nuôi dưỡng là nhằm để ổn định cuộc sống, tâm lý và việc học tập của các cháu. Hiện nay, hai cháu đang sống chung với anh P2, do anh P2 trực tiếp nuôi và anh cũng có đủ điều kiện về nơi ở, về kinh tế để tiếp tục trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên vào thời điểm anh P2 và chị P1 sống ly thân, chị P1 là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng cháu N nhưng do lúc này nơi ở của chị P1 chưa ổn định nên chị đã gửi cháu N cho cha mẹ ruột chị ở Đồng Tháp tạm chăm sóc giúp chị. Trong thời gian này, chị P1 đã tìm kiếm việc làm và nơi ở ổn định với mục đích đón cháu N về trực tiếp nuôi dưỡng nhưng anh P2 tự ý bắt cháu N và đưa lên Sài Gòn sinh sống, không tạo điều kiện để chị P1 được thăm nom, chăm sóc cháu N. Như vậy, hành vi của anh P2 là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị P1 được pháp luật bảo vệ. Hiện nay, chị P1 đã có chỗ ở và thu nhập ổn định. Hơn nữa, cháu N, sinh ngày 26/01/2015 đến nay cháu được 03 tuổi 09 tháng là còn quá nhỏ và giới tính là nữ. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của chị Trần Thị Cẩm P1, giao cháu Cao Thị Thảo N, sinh ngày 26/01/2015 cho chị Trần Thị Cẩm P1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; ghi nhận việc chị P1 không yêu cầu anh Cao Tấn P2 cấp dưỡng nuôi cháu Cao Thị Thảo N.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên không xem xét giải quyết.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Do kháng cáo được chấp nhận nên nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm P1 không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm P1 về con chung. Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 86/2018/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trần Thị Cẩm P1, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Cẩm P1 và anh Cao Tấn P2. Chị Trần Thị Cẩm P1 và anh Cao Tấn P2 được ly hôn với nhau.

2. Về con chung:

2.1. Anh Cao Tấn P2 được quyền tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Cao Chí T3, sinh ngày 10/9/2008. Ghi nhận anh Cao Tấn P2 không yêu cầu chị Trần Thị Cẩm P1 cấp dưỡng nuôi con chung là Cao Chí T3.

Chị Trần Thị Cẩm P1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung là Cao Chí T3, không ai được cản trở chị P1 thực hiện quyền này.

2.2. Chị Trần Thị Cẩm P1 được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Cao Thị Thảo N, sinh ngày 26/01/2015. Ghi nhận chị Trần Thị Cẩm P1 không yêu cầu anh Cao Tấn P2 cấp dưỡng nuôi con chung là Cao Thị Thảo N. Do anh P2 đang nuôi giữ cháu N nên buộc anh P2 có nghĩa vụ giao cháu N cho chị P1 được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Cao Tấn P2 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung là Cao Thị Thảo N, không ai được cản trở anh P2 thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có, không xem xét giải quyết

4. Về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Cẩm P1 phải chịu số tiền không giá ngạch là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0018200 ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

6. Về án phí hôn nhân phúc thẩm: Hoàn trả cho chị Trần Thị Cẩm P1 số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0018376 ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo qui định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Kim Của